PHẦN III – QUẢNG TRỊ: CUỘC CHIẾN TỪ GÓC NHÌN VIỆT NAM

Bởi Frank , 5 Tháng 11 2026

PHẦN III – QUẢNG TRỊ: CUỘC CHIẾN TỪ GÓC NHÌN VIỆT NAM

Những trải nghiệm quân sự và dân sự tại một tỉnh từng bị chia cắt

Frank Dumon và Kiều Bích Hậu

Quảng Trị giữ một vị trí đặc biệt trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của Việt Nam, trong thời kỳ đất nước bị chia cắt và trong quá trình thống nhất kéo dài. Đây là vùng đất giáp ranh theo nhiều nghĩa: một tỉnh với những làng quê, bến sông và ruộng đồng, đồng thời cũng là một không gian bị biến thành tuyến đầu quân sự. Trong chiến tranh, đường sá và cầu cống trở thành mục tiêu chiến lược; đồi núi và thung lũng biến thành những vị trí phòng thủ; cuộc sống của người dân liên tục bị xáo trộn bởi những quyết định được đưa ra tại các trung tâm chính trị và chỉ huy quân sự ở xa.

Phần này của *Giá của ảo tưởng* tiếp cận lịch sử ấy thông qua ký ức của người Việt Nam, các tư liệu chính thức, nghiên cứu lịch sử quân sự và lời chứng của những người đã trực tiếp trải qua chiến tranh. Trọng tâm là cuộc phỏng vấn Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu được chúng tôi thực hiện tại Hà Nội ngày 21 tháng 10 năm 2026. Những hồi ức của ông không nhằm đưa ra một bản tóm lược chiến tranh phi cá nhân. Đó là câu chuyện của một người tham chiến từ khi còn trẻ, từng chiến đấu ở Quảng Trị và tiếp tục suy ngẫm về số phận đồng đội, người dân cũng như những trách nhiệm đối với hòa bình vẫn còn dang dở.

Để hiểu lịch sử, chúng ta cần nhiều loại chứng cứ khác nhau. Ký ức của người lính có thể truyền tải sự khốc liệt và sức nặng đạo đức của một trải nghiệm mà báo cáo tác chiến khó lòng thể hiện; niên biểu chính thức có thể đặt ký ức ấy vào chuỗi sự kiện rộng lớn hơn; còn lời kể của thường dân có thể cho thấy những hậu quả mà cả hai loại tư liệu kia chưa phản ánh đầy đủ. Vì vậy, câu chuyện dưới đây phân biệt rõ hồi ức với những sự kiện đã được kiểm chứng độc lập, đồng thời giữ nguyên những khác biệt đáng chú ý giữa các nguồn sử liệu Việt Nam và Hoa Kỳ.

III.1 – Quảng Trị: Một tỉnh bị chia cắt bởi chiến tranh

Ranh giới tạm thời định hình số phận một thế hệ

Các thỏa thuận Genève năm 1954 chấm dứt cuộc chiến giữa Pháp và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời thiết lập một giới tuyến quân sự tạm thời. Tại khu vực Quảng Trị, sông Bến Hải và cầu Hiền Lương trở thành những biểu tượng lâu dài của tình trạng đất nước bị chia cắt. Điều cốt yếu là Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève xác định giới tuyến quân sự chỉ mang tính tạm thời và không được xem là biên giới chính trị hay lãnh thổ. Đây là một sự sắp xếp nhằm phân cách lực lượng quân sự trong khi chờ giải pháp chính trị, chứ không phải sự xác lập vĩnh viễn hai quốc gia Việt Nam. Trong văn kiện ngoại giao, sự phân biệt ấy rất rõ ràng; nhưng đời sống thường nhật ở hai bên giới tuyến lại bị chi phối bởi chia lìa, nghi kỵ và tình trạng quân sự hóa vùng nông thôn xung quanh. [1] [2]

Địa thế khiến Quảng Trị trở nên đặc biệt dễ bị cuốn vào chiến tranh. Dải đồng bằng ven biển, những tuyến giao thông Bắc – Nam và các con đường đi về phía tây, hướng sang Lào, giao nhau trên một địa bàn tương đối hẹp. Đường 9 nối vùng duyên hải và Đông Hà với miền núi phía tây và khu vực Khe Sanh. Đối với các nhà hoạch định quân sự, đó là tuyến tiếp tế và cơ động; còn đối với cư dân sống dọc con đường, đó cũng là lối đi đến chợ, trường học, nhà người thân và nơi thờ tự. Vì thế, cùng một địa hình có thể mang những ý nghĩa hoàn toàn khác nhau tùy theo nó được nhìn từ bản đồ tại sở chỉ huy hay từ mái nhà của một gia đình.

Chiến tranh dần làm thay đổi cách người ta nhắc đến cảnh quan ấy. Những địa danh như Cồn Tiên, Gio Linh, Cam Lộ, Đông Hà và Khe Sanh được thế giới biết đến qua các bản tin về hoạt động quân sự. Nhưng đó chưa bao giờ chỉ là những tọa độ trống rỗng. Một ngôi làng được nêu tên trong bản tường trình chiến trường là nơi có nhà cửa và ruộng vườn; một điểm vượt sông vừa là bài toán tác chiến vừa là con đường đi lại bình thường của con người. Khôi phục ý nghĩa nhân văn của những địa điểm ấy là điều thiết yếu để kể lại lịch sử Quảng Trị từ góc nhìn Việt Nam.

Lịch sử quân sự và những giới hạn của bản đồ

Các công trình quân sử Hoa Kỳ mô tả cuộc chiến tại các tỉnh phía bắc miền Nam qua vị trí của lực lượng đồng minh, tuyến thâm nhập, những trận đánh lớn và việc phòng giữ các khu dân cư. Sử liệu Việt Nam nhấn mạnh cuộc kháng chiến, mối liên hệ giữa hoạt động quân sự với sự nghiệp giải phóng dân tộc, cùng những hy sinh của chiến sĩ và nhân dân. Cả hai hệ thống tư liệu đều có giá trị, nhưng không hệ thống nào tự nó

tạo thành bức tranh đầy đủ về đời sống của những người dân nơi đây. Chẳng hạn, nghiên cứu của Lục quân Hoa Kỳ về các tỉnh phía bắc giai đoạn 1966–1968 tập trung vào hoạt động quân sự tại Quảng Trị và Thừa Thiên, trong khi các tư liệu tưởng niệm Việt Nam đặt những hoạt động ấy trong lịch sử dài hơn của cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước. [3]

Mục đích của chương này không phải xóa nhòa sự khác biệt bằng cách dựng lên một tiếng nói trung lập mà thực tế không nhân chứng nào có được. Thay vào đó, chúng tôi đặt câu hỏi: mỗi nguồn có thể xác lập điều gì, còn bỏ ngỏ điều gì, và lời kể trực tiếp của người Việt Nam thay đổi nhận thức của chúng ta về các sự kiện ra sao? Một trận đánh có thể có kết quả tác chiến, cách diễn giải chính trị và cái giá con người phải trả. Cả ba đều thuộc về lịch sử.

III.2 – Từ Đường 9 và Khe Sanh đến những trận đánh năm 1972

Năm 1968: Quảng Trị ở tâm điểm cuộc chiến

Năm 1968 đưa Quảng Trị vào tâm điểm chú ý của thế giới. Những cuộc giao tranh quanh Khe Sanh, các trận đánh trên Đường 9 và cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân rộng lớn hơn đã trở thành đề tài tranh luận gay gắt về quân sự và chính trị. Các nguồn tư liệu Hoa Kỳ phân tích việc bảo vệ căn cứ, sự di chuyển lực lượng và tác động của chiến dịch đối với hoạt động của quân đồng minh. Trong khi đó, các tài liệu Việt Nam đặt những trận đánh ấy trong một cuộc tiến công có quy mô lớn hơn, nhằm thay đổi tương quan chiến tranh và thể hiện sức bền của các lực lượng cách mạng Việt Nam. [3] [4]

Trong cuộc phỏng vấn, Nguyễn Huy Hiệu hồi tưởng việc ông tham gia chiến dịch năm 1968 và những cuộc chiến đấu kéo dài quanh Cồn Tiên. Ông kể về 52 ngày đêm đơn vị mình bao vây, gây sức ép lên căn cứ, đồng thời xác định khi ấy ông là trung đội trưởng thuộc Trung đoàn 27. Đây là lời chứng trực tiếp quý giá, nhất là vì nó gắn một sự kiện quân sự với quá trình thay đổi nhiệm vụ và trách nhiệm của một cá nhân. Tuy nhiên, trước khi coi các phiên hiệu đơn vị, mốc thời gian và chi tiết tác chiến là sự kiện đã được xác minh độc lập, chúng ta vẫn cần đối chiếu chúng với tài liệu đương thời và cuốn sách của chính vị tướng.

Lời kể của ông còn đề cập đến cuộc tập kích bất ngờ nhằm vào một cụm bộ binh cơ giới Mỹ tại Sáp Đá Mài, Cam Lộ, tháng 4 năm 1970. Ông nhớ lại sự kiện ấy qua tinh thần chủ động, cách đánh sáng tạo và những hiểm nguy mà các chiến sĩ phải gánh chịu. Giá trị của một hồi ức như vậy một phần nằm ở tính cụ thể: nó cung cấp tên

người, địa danh và cảm nhận của người trong cuộc về các quyết định được đưa ra. Chính tính cụ thể đó cũng đòi hỏi chúng ta phải kiểm chứng cẩn trọng. Trách nhiệm biên tập là giữ được tiếng nói của nhân chứng, đồng thời kiểm tra những dữ kiện liên quan, thay vì âm thầm biến mọi chi tiết được nhớ lại thành những khẳng định lịch sử không ghi rõ xuất xứ.

Năm 1972: Giải phóng, phản công và cuộc chiến giữ Thành Cổ

Mùa xuân năm 1972 mở ra một giai đoạn quyết định khác. Từ ngày 30 tháng 3, các lực lượng Bắc Việt Nam phát động một cuộc tiến công quy mô lớn bằng lực lượng chính quy trên nhiều hướng. Quảng Trị là một trong những chiến trường trọng điểm. Quân sử Hoa Kỳ ghi nhận đà tiến công nhanh chóng của quân đội Bắc Việt Nam, việc thị xã Quảng Trị thất thủ trong mùa xuân và cuộc phản công tiếp theo của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ngược lại, các tài liệu Việt Nam nhấn mạnh chiến dịch giải phóng, cuộc chiến bảo vệ Quảng Trị và sức chiến đấu bền bỉ phi thường của những người lính giữ khu vực Thành Cổ dưới mưa bom đạn dữ dội. [4] [5] [6]

Cuộc chiến bắt đầu từ đợt phản công của quân đội Việt Nam Cộng hòa ngày 28 tháng 6 được Việt Nam tưởng nhớ như 81 ngày đêm chiến đấu bảo vệ Thành Cổ và thị xã Quảng Trị. Các tư liệu tưởng niệm quân sự Việt Nam thường lấy mốc từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 16 tháng 9 năm 1972. Một tài liệu lịch sử của Lục quân Hoa Kỳ xác định việc tái chiếm Thành Cổ diễn ra ngày 15 tháng 9 và việc tái chiếm thị xã vào ngày 16 tháng 9. Các cách mô tả này phản ánh những quy ước ghi nhận thời điểm và góc nhìn khác nhau của các tổ chức quân sự. Đối với chúng tôi, cách làm trung thực là nêu rõ nguồn tư liệu và sự kiện gắn với mỗi mốc thời gian, thay vì che lấp sự khác biệt. [5] [6]

Không một bản tường thuật ngắn nào có thể diễn tả hết ý nghĩa của những trận pháo kích, oanh tạc liên tục, những cuộc cận chiến, các tuyến tiếp tế bị gián đoạn và những tổn thất nặng nề đối với người có mặt tại chiến trường. Thành Cổ vừa trở thành một vị trí quân sự, vừa là nơi kết tinh ký ức tưởng niệm của cả dân tộc. Sông Thạch Hãn, gắn liền với việc cơ động và tiếp tế trong chiến dịch, về sau cũng trở thành một phần của không gian tưởng niệm, nơi các thế hệ sau tri ân những người đã ngã xuống. Những cơ quan văn hóa và lịch sử chính thức của Quảng Trị tiếp tục giới thiệu các địa điểm này như những nơi tưởng nhớ và gửi gắm khát vọng hòa bình. [7]

Lời chứng của Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu nối kết các sự kiện ấy với những hệ lụy kéo dài. Khi ông nói về các nghĩa trang liệt sĩ ở Quảng Trị và công cuộc tiếp tục tìm kiếm đồng đội mất tích, chiến trường không còn khép lại trong năm 1972. Nó kéo dài đến hiện tại qua những hài cốt chưa xác định được danh tính, những hoạt động tưởng niệm và ký ức của các gia đình. Một chiến dịch quân sự có thể có ngày kết thúc

chính thức; nỗi đau và trách nhiệm thì không.

Giá trị của việc đối chiếu các nguồn lịch sử

Đối chiếu hai truyền thống ghi chép quân sử không có nghĩa là gán cho mọi tuyên bố cùng một giá trị chứng cứ. Sử liệu chính thức đại diện cho những tổ chức có lợi ích chiến lược, thuật ngữ tác chiến và lập trường chính trị riêng. Tuy vậy, các văn kiện ấy vẫn không thể thiếu, nhất là khi được đối chiếu với nhau và với lời chứng của người trong cuộc. Sự khác biệt đặc biệt quan trọng tại Quảng Trị, nơi những từ như “giải phóng”, “tái chiếm”, “phòng thủ” hay “rút quân” có thể mô tả các giai đoạn của cùng một chuỗi sự kiện nhưng lại truyền tải những đánh giá rất khác nhau về ý nghĩa của chúng.

Trong cuốn sách này, các nguồn tư liệu Việt Nam được chủ ý đặt ở vị trí trung tâm. Lựa chọn đó nhằm khắc phục sự mất cân đối trong nhiều cách tưởng nhớ bằng tiếng Anh, vốn thường ưu tiên trải nghiệm của binh sĩ và giới hoạch định chính sách Hoa Kỳ. Điều ấy không đòi hỏi phải gạt bỏ chứng cứ từ các nguồn khác. Trái lại, câu chuyện Việt Nam sẽ thuyết phục nhất khi niên biểu được xác lập chính xác, lời chứng được bảo toàn và người đọc có thể thấy các kết luận đã được hình thành như thế nào.

III.3 – Lời chứng của người trong cuộc: Phỏng vấn Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu

Cuộc phỏng vấn sau đây được trình bày như một lời chứng liên tục từ nguồn tư liệu gốc. Cuộc trao đổi được ghi âm tại Hà Nội ngày 21 tháng 10 năm 2026, sau đó được biên tập để dễ đọc; những điểm đính chính do Kiều Bích Hậu chuyển đến sau khi trao đổi với Thượng tướng đã được đưa vào văn bản. Tám chương được giữ liền mạch vì những suy ngẫm của ông về Quảng Trị gắn bó mật thiết với truyền thống gia đình, quá trình tham gia chiến dịch cuối cùng năm 1975, những cuộc gặp lại cựu binh Mỹ và quan niệm của ông về hòa giải.

Đây không phải bản ghi chép nguyên văn đã được thẩm định độc lập từng chữ. Những đoạn ở ngôi thứ nhất cần được hiểu là ký ức và nhận định của Nguyễn Huy Hiệu. Khi chưa hoàn tất việc xác minh riêng, các khẳng định thực tế vẫn được quy về lời kể của ông. Ảnh và video nhúng được giữ lại từ bản thảo Drupal gốc.

Phỏng vấn Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026



Văn bản này được biên tập từ bản ghi âm cuộc phỏng vấn ngày 21 tháng 10 năm 2026 nhằm giúp độc giả dễ theo dõi. Nhà văn, nhà báo Kiều Bích Hậu đã trao đổi với Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu và chuyển những thông tin được ông xác nhận để hiệu đính. Những hồi ức, nhận định và số liệu được trình bày dưới góc nhìn của nhân vật; việc chỉnh lý văn bản không đồng nghĩa với xác minh độc lập mọi chi tiết lịch sử.

Chương 1. Từ lời kêu gọi độc lập đến những năm tháng chiến tranh

Người dẫn phỏng vấn: Người dẫn phỏng vấn: Bây giờ chúng ta bắt đầu. Qua chính lời kể của ông, chúng tôi mong tìm hiểu và lưu giữ những điều lịch sử cần được truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Tôi là Thượng tướng, Viện sĩ, Tiến sĩ Nguyễn Huy Hiệu, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Năm nay tôi đã ở tuổi 80. Tôi sinh ngày 27 tháng 7 năm 1947.

Năm 1964, khi Mỹ gây ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ, đặc biệt là ngày 5 tháng 8 năm 1964, chúng tôi khi ấy còn là học sinh. Theo tiếng gọi của Bác Hồ, chúng tôi gác bút nghiên lên đường nhập ngũ. Chúng tôi mang theo tinh thần: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"; "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Đó là câu chuyện của 62 năm về trước. Chúng tôi rời Hà Nội, vượt Trường Sơn theo đường mòn Hồ Chí Minh, vào miền Nam cùng đồng bào và chiến sĩ chiến đấu vì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chúng tôi luôn ghi nhớ lời Bác Hồ: "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi".

Tôi rất vinh dự được tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tôi đã tham gia bốn chiến dịch lớn: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968; chiến dịch Đường 9 – Nam Lào năm 1971; chiến dịch Quảng Trị năm 1972; và chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Trong quá trình chiến đấu, tôi lần lượt đảm nhiệm các cương vị chỉ huy từ tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng đến trung đoàn trưởng. Tôi trực tiếp tham gia, chỉ huy và chiến đấu trong 67 trận.


CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG CỐ VẤN

CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM

TẶNG DANH HIỆU

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN GIẢI PHÓNG

Đồng chí Nguyễn Huy Hiệu

Đã có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Dân tộc Việt Nam đã trải qua những cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ: chín năm chống thực dân Pháp và sau đó là gần hai mươi năm chiến tranh chống Mỹ. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 là một dấu mốc lịch sử lớn. Nhắc đến giai đoạn ấy, chúng tôi nhớ câu thơ: “Chín năm làm một Điện Biên / Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng”.

Theo cách nhìn của tôi, Pháp và Mỹ đã không hiểu hết văn hóa, truyền thống và sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Tôi cho rằng các cuộc chiến tranh ấy gắn với tham vọng kiểm soát Việt Nam, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đó là cách tôi lý giải những mục tiêu của các cường quốc trong thời kỳ ấy.

Điều họ không hiểu là sức mạnh đoàn kết của nhân dân Việt Nam, của 54 dân tộc anh em và khát vọng độc lập, tự do. Đối với thế hệ thanh niên chúng tôi, mục tiêu lớn nhất là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tôi muốn các bạn hình dung sức mạnh quân sự mà Hoa Kỳ đã đưa vào miền Nam Việt Nam. Bom đạn và các phương tiện chiến tranh gây ra những hậu quả vô cùng nặng nề. Dãy Trường Sơn hùng vĩ cũng chịu tác động nghiêm trọng của chất độc hóa học, trong đó có dioxin liên quan đến chất độc màu da cam. Những hậu quả ấy còn kéo dài qua nhiều thế hệ.

Theo những con số thống kê sau chiến tranh mà tôi được biết, có hơn 300.000 người mất tích trên các chiến trường Việt Nam, Campuchia và Lào, hiện nay khắc phục tìm thấy được 100.000 người, vậy còn khoảng 200.000 người vẫn đang mất tích; hơn ba triệu người bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học. Có những gia đình mà cả cha, con và cháu đều phải chịu hậu quả. Đây là nỗi đau rất lớn.

Chúng tôi vẫn tiếp tục trao đổi với phía Mỹ về trách nhiệm nhân đạo và việc khắc phục hậu quả chiến tranh. Người Mỹ có chương trình tìm kiếm quân nhân mất tích, thường gọi là MIA. Việt Nam cũng có rất nhiều người mất tích cần được tìm kiếm. Theo tôi, hai bên đều có trách nhiệm hợp tác trong công việc nhân đạo này.

Tại các khu vực như sân bay Đà Nẵng, Phù Cát và đặc biệt là Biên Hòa, công việc xử lý ô nhiễm chất độc hóa học vẫn là vấn đề rất quan trọng. Cùng với đó là bom mìn và vật nổ còn sót lại sau chiến tranh. Người dân đi làm ruộng, làm rẫy vẫn có nguy cơ gặp phải vật nổ. Có những trường hợp nhặt bom đạn mang về chế lại để sử dụng vào mục đích khác và xảy ra tai nạn thương tâm. Những hậu quả ấy chưa thể giải quyết trong một sớm một chiều.

Năm 2004, tôi có chuyến công tác đến Bỉ và tham dự buổi gặp gỡ báo chí cùng bà Tôn Nữ Thị Ninh – nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Liên minh châu

Âu. Tiếp đó, vào năm 2005, khi đến Mỹ, tôi đã phát biểu trước các nhà văn, nhà báo và nghị sĩ Hoa Kỳ về những hậu quả nặng nề của chiến tranh ở Việt Nam – từ tổn thất về người, tài sản cho đến sự tàn phá môi trường thiên nhiên. Qua đó, tôi tha thiết kêu gọi sự hợp tác và hỗ trợ nhân đạo quốc tế nhằm từng bước khắc phục những nỗi đau còn sót lại.

Một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng đối với chúng tôi là tiếp tục tìm kiếm đồng đội đã hy sinh. Gần đây, tại Công viên Lê Thị Riêng (Sài Gòn), công việc tìm kiếm kéo dài hơn 100 ngày đêm (nằm trong Chiến dịch 500 ngày đêm) và đã phát hiện 731 hài cốt liệt sĩ từng chiến đấu trong Tết Mậu Thân năm 1968. Đây mới chỉ là bước đầu; còn rất nhiều người chưa được tìm thấy.


РОССИЙСКАЯ ФЕДЕРАЦИЯ
АКАДЕМИЯ ВОЕННЫХ НАУК
Нгуен
Хюи Хиеу
избран
почётным членом
Академии военных наук
05 декабря 2009 г.
Президент Академии
М.А. Гареев
Главный ученый секретарь
А.А. Корабельников
№ 04-0079

Nguồn được dẫn trong văn bản tiếng Việt: Báo *Lao Động*: Bài viết "Quy tập được 800 bộ hài cốt liệt sĩ tại Công viên Lê Thị Riêng". Báo *Dân Trí*: Bài viết "Đã quy tập 800 bộ hài cốt liệt sĩ ở Công viên Lê Thị Riêng". Báo *Xây Dựng / Báo Mới*: Bài viết "Hơn 700 bộ hài cốt liệt sĩ được quy tập tại Công viên Lê Thị Riêng". Cổng Thông tin Điện tử Chính phủ (*BaoChinhPhu.vn*): Các bản tin về tiến độ "Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ".

Nhiều đồng đội của chúng tôi vẫn nằm lại trên những chiến trường cũ, trong rừng, dưới lòng sông, ở cửa biển và những khe suối. Chúng tôi phải tiếp tục cuộc hành trình tìm kiếm ấy.

Tôi muốn nói riêng về Quảng Trị, nơi tôi đã có chín năm gắn bó. Theo những gì tôi được biết, địa phương có 72 nghĩa trang liệt sĩ, trong đó có hai nghĩa trang quốc gia: Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9 và Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Trường Sơn. Ngoài ra còn nhiều nơi an nghỉ khác, cũng như những đồng đội chưa tìm thấy hài cốt.

Các bạn hãy hình dung những mất mát ở Quảng Trị. Trong 81 ngày đêm chiến đấu bảo vệ Thành cổ Quảng Trị, bom đạn đã tàn phá khủng khiếp. Chiến tranh gây tổn thất cho người Việt Nam và cả phía Mỹ. Đó là một bi kịch lớn.

Vì thế, thông điệp tôi muốn gửi đến các bạn là: chúng ta phải khép lại quá khứ để hướng tới tương lai, nhưng không được quên những hậu quả chiến tranh. Các thế hệ hôm nay và mai sau cần đấu tranh để bảo vệ hòa bình, không để những cuộc chiến tranh như vậy tái diễn.

Tôi vẫn tiếp tục những công việc tri ân đồng chí, đồng đội và đồng bào. Tôi đã viết mười cuốn sách; các nhà văn, nhà báo cũng đã viết 17 cuốn sách về tôi. Tôi đặc biệt quan tâm đến việc xử lý bom mìn, vật nổ còn sót lại và phục hồi môi trường sau chiến tranh, để bảo đảm cuộc sống an toàn cho nhân dân.

Tôi cũng mong các bạn tìm hiểu thêm những trận đánh mà tôi đã tham gia, tiêu biểu như 52 ngày đêm vây ép căn cứ Cồn Tiên, Quảng Trị năm 1968 trên cương vị Trung đội trưởng Trung đội 3, Đại đội 2, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 27 (Mặt trận B5), hay trận tập kích tiêu diệt hoàn toàn cụm bộ binh cơ giới Mỹ gồm 16 xe thiết giáp tại Sáp Đá Mài (Tân Kim, Cam Lộ, Quảng Trị) đêm ngày 4/4 rạng sáng ngày 5/4/1970 khi tôi là Đại đội trưởng Đại đội 2 chủ công.

Trong chiến tranh, phía Mỹ đã áp dụng nhiều chiến lược và phương tiện quân sự hiện đại, từ chiến thuật 'trực thăng vận', 'thiết xa vận' đến 'chiến thuật trâu rừng' của Tướng Creighton Abrams, cùng hệ thống hàng rào điện tử McNamara kéo dài qua Cồn Tiên. Chúng tôi đã cùng quân và dân cả nước mưu trí, dũng cảm chiến đấu chống lại những chiến lược ấy...

Tôi kể những điều này để các bạn có thể hình dung phần nào những năm tháng mà thế hệ chúng tôi đã trải qua, và để hiểu vì sao công việc gìn giữ ký ức, tìm kiếm đồng đội và bảo vệ hòa bình vẫn có ý nghĩa sâu sắc đối với tôi cho đến hôm nay.

Chương 2. Cuộc hành quân thần tốc và những ngày cuối tháng tư năm 1975

1. Phương châm “vừa đánh, vừa đàm”

Trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng tôi thực hiện phương châm vừa đánh, vừa đàm. Cuộc đấu tranh trên chiến trường gắn liền với cuộc đấu tranh ngoại giao, trong đó có những năm đàm phán tại Hội nghị Paris. Mục tiêu cuối cùng là thực hiện đúng lời dạy và quyết tâm của Bác Hồ: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Khi chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ thất bại, cuộc chiến bước vào giai đoạn quyết định.

2. Cuộc hành quân dài 1.700 kilômét

Năm 1975, tôi là Trung đoàn trưởng Trung đoàn 27 (Sư đoàn 320B, Quân đoàn 1 - Binh đoàn Quyết Thắng). Sư đoàn trưởng lúc đó là đồng chí Lưu Bá Xảo, Chính ủy là đồng chí Đỗ Mạnh Đạo; Tư lệnh Quân đoàn 1 là đồng chí Nguyễn Hòa và Chính ủy Quân đoàn là đồng chí Hoàng Minh Thi.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975, tôi nhận lệnh từ Tam Điệp (Ninh Bình) chỉ huy lực lượng gồm khoảng 2.000 cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn 27, cùng 1.000 quân tăng cường phối thuộc (tổng cộng gần 3.000 người), cùng một máy thông tin 15W của Bộ Tổng Tham mưu đi trực tiếp bên cạnh để chỉ huy vượt cấp, thực hiện cuộc hành quân cơ giới vào Đông Hà làm lực lượng dự bị cho chiến dịch giải phóng Huế và Đà Nẵng.

Đến ngày 26 tháng 3 năm 1975, khi chúng tôi vào tới Huế thì Huế đã được giải phóng. Chúng tôi tiếp tục nhận lệnh vượt đèo Hải Vân vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Đến ngày 29 tháng 3, Đà Nẵng cũng được giải phóng.

Sau đó, qua máy 15W, Bộ Tổng Tham mưu ra lệnh cho trung đoàn quay trở lại Đông Hà để nhận nhiệm vụ mới. Dưới sự giao nhiệm vụ của đồng chí Lê Quang Hòa và đồng chí Hoàng Minh Thi, toàn bộ đơn vị lên xe đi theo đường dây 559, hành quân từ Đông Hà qua đèo Ăm Boun (phía tây Thừa Thiên Huế) tiến vào tập kết tại Đồng Xoài để chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Mùa khô, bụi đất đỏ bazán mịt mù phủ kín người lính. Khi đến đèo Ăm Boun, đường bị tắc lầy nghiêm trọng. Chúng tôi phải điều Đại đội Công binh cùng Tiểu đoàn 5 xuống xe mở một con đường vòng qua bãi lầy để đoàn xe tiếp tục tiến lên.

Sau nhiều ngày đêm di chuyển mệt mỏi, chúng tôi nhận được bức điện khẩn qua máy 15W của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (ký tên Anh Văn): "Thần tốc, thần tốc hơn nữa; táo bạo, táo bạo hơn nữa; tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng."

Khi phổ biến bức điện này, tất cả cán bộ, chiến sĩ như bừng tỉnh, quên hết mệt nhọc. Trong suốt 12 ngày đêm hành quân, quân trang lương thực rất giản dị, chủ yếu là

lương khô, gạo rang, thịt hộp, gặp chỗ nào có nguồn nước mới dừng lại nấu cơm. Đơn vị đã vào tập kết tại Đồng Xoài đúng thời gian quy định.

3. Tiến về cửa ngõ Sài Gòn

Trên đường hành quân vào Nam, một trung đội công binh của ta trong lúc khắc phục đường ở Đồng Xoài đã bị máy bay/đốc-két của địch bắn làm một số đồng chí hy sinh, đơn vị phải điều lực lượng dự bị ra thay thế để bảo đảm thông đường cho xe cơ giới.

- **Đêm 25 tháng 4 năm 1975:** Toàn bộ Trung đoàn 27 tập kết tại Bàu Cá Trê (bắc Tân Uyên) trên trục Đường 16.
- **Sáng 26 tháng 4 năm 1975:** Mở màn Chiến dịch Hồ Chí Minh, đơn vị đánh Bốt Tân Uyên. Địch bắn cháy 3 xe của ta, làm 5 đồng chí hy sinh và một số bị thương. Sau 1 giờ chiến đấu, phối hợp cùng đơn vị bạn, chúng tôi làm chủ Tân Uyên, bắt tù binh dẫn đường, tiếp tục tiến quân theo đường đất đỏ qua Bình Chuẩn.
- **Tối 29 tháng 4 năm 1975 (khoảng 19 giờ):** Toàn bộ trung đoàn (gần 3.000 quân) tiến đến tập kết ở phía Bắc quận Lái Thiêu (cách khoảng 10 km).

Theo phương án hiệp đồng, mật hiệu nhận biết cơ sở ngầm của ta là hô "Hồ Chí Minh" và đối phương đáp lại "Muôn năm". Trong đêm tối ở vùng Lái Thiêu, tôi phát hiện một căn nhà tắt đèn nhưng có ánh đèn nhỏ lúc sáng lúc mờ. Tôi cùng đồng chí Trịnh Minh Thư (Chính ủy Trung đoàn) và tổ trinh sát tiếp cận căn nhà. Sau khi hô mật hiệu "Hồ Chí Minh" 3 lần, một bà mẹ mở cửa khẽ đáp lại "Muôn năm".

4. Người mẹ và tấm bản đồ

Bước vào căn nhà đơn sơ, tôi gặp bà má (sau này được biết đến là Má Sáu Ngẫu, tên thật là Huỳnh Thị Sáu). Trong nhà lúc đó có hai người con của má: em Phước (con gái, 16 tuổi) và em Đức (con trai, 14 tuổi).

Tôi trải tấm bản đồ chỉ huy quân sự ra và nói: "Thưa má, con là chỉ huy Quân Giải phóng. Sáng mai đơn vị con có nhiệm vụ đánh chiếm Lái Thiêu, chiếm cầu Vĩnh Bình và tiến đánh Bộ Tư lệnh Thiết giáp ngụy ở Gò Vấp. Nếu má biết địa hình, xin má chỉ dẫn cho chúng con."

Má Sáu Ngẫu đeo kính trắng, nhìn tấm bản đồ quân sự rồi nói má không quen xem loại bản đồ này. Má vào buồng lấy ra một tấm bản đồ Đô thành Sài Gòn (chữ má viết rất đẹp) và cẩn thận chỉ dẫn:

- Cách đây 5 km có Trại Huỳnh Văn Lương với khoảng 2.000 tên hạ sĩ quan do Đại tá Hinh chỉ huy. Sáng mai tiến quân không cần đánh mà gọi hàng (địch vận).

- Phải nhanh chóng chiếm Lái Thiêu và bắt buộc phải đánh chiếm cho bằng được cầu Vĩnh Bình. Nếu không chiếm được cầu Vĩnh Bình thì xe tăng không thể vào thành phố (chỉ còn cầu sắt Lái Thiêu nhưng xe tăng không đi được, chỉ bộ binh qua được).
- Má còn ngỏ ý muốn cùng hai con lên xe dẫn đường cho Quân Giải phóng, nhưng tôi xin phép má ở lại vì đường đi đã có các đồng chí biệt động (như cô Hai Mỹ, anh Sáu Châu) dẫn đường.



nh Bình và tiến vào Gò Vấp

Quán triệt phương châm "Thần tốc, táo bạo, quyết thắng" - đánh lướt qua bên ngoài để thọc sâu vào bên trong, giảm thiểu thương vong cho nhân dân và chiến sĩ:

- **4 giờ 30 phút sáng 30 tháng 4:** Đội hình cơ giới bắt đầu tiến công. Đến ngã ba Lái Thiêu, ta bắn cháy 3 xe của địch, kêu hàng thành công gần 2.000 quân địch tại Trại Huỳnh Văn Lương mà không tốn một viên đạn.
- **Khoảng 9 giờ 00 phút sáng 30 tháng 4:** Đơn vị tiến đánh chiếm cầu Vĩnh Bình. Xe tăng của đồng chí Hoàng Thọ Mạc (Đại đội trưởng Xe tăng) bị hỏng. Đồng chí Mạc dũng cảm rời xe, trực tiếp chỉ huy tổ B41 bắn cháy 3 xe địch rồi bị thương nặng và hy sinh. Tôi quyết định đưa thi thể đồng chí Mạc lên xe chỉ huy để tiếp tục hành quân. Sau trận đánh, đồng chí Mạc được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.
- **Khoảng 10 giờ 00 phút sáng 30 tháng 4:** Trung đoàn 27 đánh chiếm Bộ Tư lệnh Thiết giáp ngụy ở Gò Vấp, tiếp quản 13 căn cứ Lục quân, công xưởng ở Gò Vấp và tiếp quản Bệnh viện Cộng Hòa (nay là Viện quân y 175).

- Tại Tổng y viện Cộng Hòa, lực lượng ta bắt sống Chuẩn tướng Phạm Hà Thanh (Cục trưởng Cục Quân y ngụy). Tướng Thanh xin khoan hồng. Tôi yêu cầu ông ta tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và bàn giao toàn bộ bệnh viện cùng khoảng 400 bác sĩ/nhân viên y tế và gần 200 thương binh địch. Trên tinh thần nhân đạo, tôi cho phép đưa thương binh địch về cho gia đình chăm sóc, giữ nguyên đội ngũ bác sĩ dưới sự chỉ huy của Đại đội trưởng Đại đội Quân y 4 (đồng chí Chánh) để cứu chữa thương binh của ta.

6. Trở lại cảm ơn nhân dân Lái Thiêu

- Ngày 1 tháng 5, sau khi tham gia diễu hành cơ giới qua Dinh Thống Nhất, vào chiều ngày 1 tháng 5 năm 1975, tôi chỉ huy 3 xe quay trở lại Lái Thiêu để cảm ơn đồng bào.
- Nhân dân Lái Thiêu đứng rợp đường với cờ hoa và mang nhiều loại trái cây đặc sản miền Nam (măng cụt, xoài, sầu riêng, chôm chôm) ra đón chào Quân Giải phóng.
- Về sau, Má Sáu Ngẫu đã được Nhà nước truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, hoàn thành thủ tục đề nghị truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; gia đình và đơn vị đã xây dựng phần mộ và tượng đài cho má tại Lái Thiêu.
- Bài báo trên Báo Quân đội nhân dân mang tên “Bà má tham mưu của trung đoàn” và bài hát “Tấm bản đồ má trao” do nhạc sĩ Văn Thành Nho sáng tác đã trở thành những ký ức sâu sắc, thường xuyên được phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam dịp 30/4.

7. Giữ lại ký ức cho các thế hệ sau

Những câu chuyện cụ thể về con người, trận đánh và sự giúp đỡ thầm lặng của nhân dân là di sản cần ghi lại cho thế hệ mai sau.

Nếu muốn tìm hiểu sâu hơn về những năm tháng chiến đấu ở chiến trường Quảng Trị và hành trình giải phóng miền Nam, độc giả có thể tham khảo cuốn sách “*Một thời Quảng Trị*” của Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu. Tác phẩm đã được xuất bản, giới thiệu rộng rãi và dịch sang tiếng Anh.

Chương 3. Tuổi thơ, truyền thống gia đình và con đường đến với quân ngũ

Câu hỏi: Trong những năm đầu đời, đặc biệt khi ông khoảng 16–17 tuổi, trải nghiệm nào đã ảnh hưởng sâu sắc nhất đến quyết định gia nhập quân đội của ông?

Trả lời của Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Tôi sinh ra ở vùng quê Hải Hậu, trong một gia đình nông dân. Từ nhỏ, tôi đã được nuôi dưỡng trong truyền thống của gia đình, dòng họ và quê hương. Ngay từ năm 9 tuổi, tôi đã được bố dẫn đi bộ từ Hải Hậu (Nam Định) sang tận huyện Gia Viễn (Ninh Bình) đến đền thờ giỗ Tổ cụ Định Quốc công Nguyễn Bặc. Những câu chuyện về Tổ tiên và nguồn cội đã để lại trong tôi nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của mỗi người đối với đất nước.

Cha tôi là người đã học chữ Nho trong nhiều năm. Nhờ vậy, khi còn nhỏ tôi cũng được học *chữ Nho* khoảng ba năm. Việc học ấy, cùng với nếp sống nghiêm cẩn trong gia đình, đã góp phần hình thành ở tôi ý chí, nghị lực, tấm lòng nhân ái cùng những quan niệm sâu sắc về đạo lý làm người.

Tôi đặc biệt quan tâm đến những nhân vật trong lịch sử dân tộc, như Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi và Quang Trung – Nguyễn Huệ. Những câu chuyện về cách ông cha giữ nước khiến tôi suy nghĩ rất nhiều.

Tôi nhớ đến tư tưởng dùng nhân nghĩa và trí tuệ để vượt qua bạo lực trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi:

"Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,
bạo."



Tôi cũng khắc ghi khí thế hào hùng và tinh thần đoàn kết quân dân trong *Hịch tướng sĩ* của Hưng Đạo Đại vương Trần Hưng Đạo, nơi tướng sĩ một lòng như cha con ("tướng sĩ đồng lòng phụ tử") và tình đồng đội chia sẻ ngọt bùi ("hòa nước sông chén rượu ngọt ngào"). Những bài học ấy đã nuôi dưỡng trong tôi khát vọng hòa bình và niềm tự hào dân tộc.

Ngay từ thời học sinh, tôi và những người bạn cùng lứa đã có những trò chơi, những cách tập luyện mô phỏng việc đánh trận. Đó chỉ là những hoạt động rất đơn sơ của trẻ nhỏ, nhưng nhìn lại, tôi thấy chúng phản ánh sự quan tâm và niềm say mê của mình đối với lịch sử quân sự và việc bảo vệ Tổ quốc.

Khi vào quân đội, tôi tiếp tục đọc và tìm hiểu nhiều tác phẩm văn học, sách về lịch sử và quân sự. Có những cuốn sách đã giúp tôi củng cố ý chí và quyết tâm vượt qua khó khăn, tiêu biểu là tiểu thuyết *Thép đã tôi thế đấy* của Nikolai Ostrovsky và các tác phẩm hồi ký, suy ngẫm của các vị tướng nổi tiếng.

Đặc biệt, trong thời gian chiến đấu, tôi luôn mang theo cuốn sách *Tổ tiên ta đánh giặc* của Giáo sư, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo. Cuốn sách tóm lược những kinh nghiệm sâu sắc của cha ông trong lịch sử giữ nước. Chúng tôi mang theo sách trên những chặng đường hành quân gian khổ, vừa đọc vừa suy ngẫm về cách vận dụng những bài học lịch sử vào hoàn cảnh thực chiến.

Những ảnh hưởng ấy đến với tôi từ khi còn nhỏ. Theo tôi, điều quan trọng là con người phải có niềm say mê, có ý chí và nghị lực để vượt qua thử thách. Mỗi người có năng khiếu riêng: người giỏi văn, người giỏi võ, người có khả năng về khoa học hoặc những lĩnh vực khác. Những khả năng và sự quan tâm hình thành từ tuổi trẻ có thể góp phần định hướng con đường phát triển của mỗi người.

Đến khi xảy ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ năm 1964, tình hình chiến tranh đã tác động mạnh đến thế hệ thanh niên chúng tôi. Tôi cảm nhận rất rõ lòng tự trọng dân tộc và mong muốn đứng lên bảo vệ đất nước. Những lời kêu gọi về độc lập, tự do và quyết tâm không chịu làm nô lệ có sức lay động lớn đối với chúng tôi.

Đó là những yếu tố đã góp phần hình thành quyết định của tôi: truyền thống gia đình, việc học từ nhỏ, những tấm gương lịch sử, sách vở và hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ. Từ sự quan tâm ban đầu, tôi dần hình thành quyết tâm bước vào quân ngũ và tham gia cuộc chiến đấu mà thế hệ mình tin là cần thiết để giành độc lập, thống nhất đất nước.

Chương 4. Những hy sinh thầm lặng của phụ nữ và nhân dân trong chiến tranh

Câu hỏi: Theo ông, những hy sinh nào của phụ nữ và các lực lượng hỗ trợ dân sự trong chiến tranh vẫn chưa được ghi nhận đầy đủ?

Trả lời – Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Tôi muốn nói rằng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, sự hy sinh là của cả dân tộc. Nhưng sự hy sinh

của phụ nữ có những nét rất đặc biệt, nhất là đối với lực lượng *dân công hỏa tuyến* và *thanh niên xung phong* – những người trực tiếp phục vụ chiến trường.

Các chị em sẵn sàng tiếp tế lương thực, vận chuyển đạn dược, đào giao thông hào, san lấp hố bom và thực hiện nhiệm vụ cứu thương, tải thương. Ở hậu phương, phụ nữ đảm đang xây dựng địa phương, duy trì đời sống gia đình, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu, góp phần tạo nên nguồn sức mạnh to lớn chi viện cho tiền tuyến. Đó là những đóng góp vô cùng lớn lao.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm ghi nhận công lao của các thế hệ người Việt Nam, trong đó có phụ nữ. Tuy nhiên, theo tôi, những chính sách ấy vẫn chưa thể đền đáp tương xứng với tất cả những hy sinh mà họ đã trải qua.

Tôi cũng muốn nhấn mạnh sự hy sinh của nhân dân. Trong chiến tranh, bom đạn tàn phá cả miền Bắc lẫn miền Nam. Nhiều gia đình mất người thân, mất nhà cửa; nhiều người đã dành tất cả những gì mình có để phục vụ tiền tuyến. Có những gia đình tiễn lần lượt từng người con ra trận, chấp nhận những mất mát không gì bù đắp được.

Sau chiến tranh, Nhà nước đã ban hành các chính sách đền ơn đáp nghĩa đối với Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh và những người có công với cách mạng. Nhưng tôi cho rằng vẫn còn những trường hợp chịu nhiều thiệt thòi, đặc biệt là phụ nữ.

Chẳng hạn, có những nữ thanh niên xung phong, những chị em dân công hỏa tuyến, khi đất nước được giải phóng thì tuổi thanh xuân đã trôi qua. Sức khỏe bị ảnh hưởng nặng nề bởi bệnh tật và di chứng chiến tranh, nhiều người không lập gia đình, sống đơn thân. Cho đến hôm nay, họ vẫn phải chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc sống. Đó là những điều khiến tôi rất trăn trở và suy nghĩ.

Sự hy sinh của phụ nữ không chỉ diễn ra ở hậu phương. Nhiều chị em trực tiếp có mặt ở những trọng điểm giao thông nguy hiểm, chịu thương vong ngay tại chiến trường. Tôi nhắc đến câu chuyện mười cô gái thanh niên xung phong tại Ngã ba Đồng Lộc (tỉnh Hà Tĩnh) như một biểu tượng điển hình. Nhưng còn rất nhiều nơi khác trên con đường Trường Sơn và các tuyến đường chiến lược, rất nhiều câu chuyện hy sinh oanh liệt khác chưa được kể hết.

Tôi cũng muốn nói đến lực lượng phụ nữ hoạt động bí mật trong các đô thị (như lực lượng giao liên, cơ sở nội thành, biệt động đô thị) và các vùng giáp ranh. Họ áp dụng phương thức hoạt động hai mặt: ban ngày họ là người dân bình thường, ban đêm họ là chiến sĩ. Họ nuôi giấu cán bộ, vận chuyển vũ khí, tài liệu, thu thập tin tức tình báo hoặc trực tiếp dẫn đường cho các lực lượng giải phóng.

Những người ấy đã chấp nhận hiểm nguy rình rập từng giờ. Có những trường hợp hy sinh hoặc bị địch bắt, tra tấn dã man mà không để lại giấy tờ, đến nay không còn nhân chứng để xác minh và kể lại đầy đủ câu chuyện của họ. Vì thế, công lao và mất mát của họ đến nay vẫn chưa được ghi nhận một cách tương xứng.

Theo tôi, đây là vấn đề cần được đặc biệt quan tâm. Việc gì còn có thể làm được để ghi nhận, hỗ trợ và đền đáp những người đã hy sinh, cống hiến thì chúng ta phải cố gắng làm ngay. Tôi biết Đảng và Nhà nước Việt Nam vẫn đang tiếp tục hoàn thiện chính sách để giải quyết những tồn tại ấy, nhưng so với những mất mát vô bờ bến mà họ đã gánh chịu, sự hỗ trợ vẫn cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa.

Đó là điều tôi muốn nhấn mạnh khi nói về sự hy sinh thầm lặng của phụ nữ và nhân dân trong chiến tranh.

Chương 5. Khoảnh khắc không thể quên: Danh hiệu anh hùng và ký ức về những đồng đội đã hy sinh

Câu hỏi: Khoảnh khắc nào trong thời chiến vẫn in đậm nhất trong ký ức của ông? Vì sao khoảnh khắc đó khiến ông nhớ mãi?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu:

Trong chiến tranh, tôi có rất nhiều ký ức, nhiều kỷ niệm và những khoảnh khắc không thể nào quên. Nhưng một trong những khoảnh khắc tôi nhớ nhất là ngày tôi được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Theo Quyết định số 117/QĐ ngày 23 tháng 9 năm 1973 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (bằng tuyên dương được ký trao ngày 20 tháng 12 năm 1973), sau khi tham gia 67 trận đánh và bốn chiến dịch lớn, tôi vinh dự được phong tặng danh hiệu Anh hùng.

Khi ấy, tôi đã khóc. Tôi khóc vì nghĩ đến đồng bào, đồng chí, đồng đội đã hy sinh. Tôi hiểu rằng để có được ngày hôm đó, biết bao người đã phải chịu đựng những mất mát vô cùng lớn. Danh hiệu ấy không chỉ là niềm vinh dự của riêng tôi. Khi đón nhận nó, tôi nghĩ đến những người đã cùng tôi chiến đấu, những người không còn có thể trở về.

Các bạn hãy nhớ rằng, riêng trung đoàn của tôi, tính đến thời điểm tôi được tuyên dương, đã có khoảng 2.500 người hy sinh. Bởi vậy, điều để lại dấu ấn sâu sắc nhất

trong tôi không phải là niềm vui được nhận danh hiệu, mà là sự xúc động khi nhớ đến đồng đội và nhân dân. Tôi luôn nghĩ rằng sự hy sinh của họ đã góp phần làm nên những gì tôi có được hôm nay.

Chính vì thế, sau khi nghỉ công tác, tôi đã cùng Ban liên lạc Cựu chiến binh Trung đoàn 27 - Mặt trận B5 (trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Á và tôi cùng các đồng đội) vận động xây dựng một khu tưởng niệm các đồng đội đã hy sinh.

Nhà nước đã có những công trình tưởng niệm lớn. Nhưng tôi vẫn mong muốn có một nơi tưởng nhớ riêng những người đã chiến đấu trong trung đoàn của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi xây dựng khu tưởng niệm tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (nay thuộc xã Ái Tử, tỉnh Quảng Trị).

Tại đây, tên tuổi và quê quán của các đồng đội đã hy sinh được khắc trên 14 tấm bia đá. Chúng tôi còn xây dựng một đền thờ và những hạng mục tưởng niệm khác. Hằng năm, vào dịp 27 tháng 7, chúng tôi cùng địa phương và các gia đình tổ chức lễ tưởng niệm, tri ân những người đã khuất và thăm hỏi, trao quà cho thân nhân liệt sĩ.

Tôi mong công trình ấy tiếp tục được hoàn thiện. Vẫn còn những đồng đội cần được ghi nhận, những thông tin cần được bổ sung. Có nhiều người đã hy sinh nhưng đến nay vẫn chưa tìm được hài cốt. Dù chưa tìm thấy nơi họ nằm lại, chúng tôi vẫn muốn khắc tên và quê quán của họ lên bia đá, để các thế hệ hôm nay và mai sau nhớ đến họ.

Đối với gia đình các liệt sĩ, điều đó có ý nghĩa rất lớn. Có những gia đình chưa tìm được hài cốt người thân. Khi đến khu tưởng niệm, nhìn thấy tên con em mình trên bia đá, họ ôm lấy tấm bia mà khóc. Những lúc như thế, chính tôi cũng không cầm được nước mắt.

Trong đời tôi có rất nhiều kỷ niệm, rất nhiều khoảnh khắc đáng nhớ. Nhưng những giây phút ấy luôn đưa tôi trở lại với đồng bào, đồng chí và đồng đội. Tôi cảm thấy mình có trách nhiệm tiếp tục làm tất cả những gì có thể để tìm kiếm những người còn mất tích và tri ân những người đã hy sinh.

Cho đến hôm nay, tôi vẫn nghĩ rằng mình phải tiếp tục công việc ấy, chừng nào sức khỏe còn cho phép. Danh hiệu mà tôi được nhận là một vinh dự, nhưng đồng thời cũng nhắc tôi nhớ rằng phía sau mình là sự hy sinh của rất nhiều người.

Chương 6. Người phụ nữ vượt phá Tam Giang: Một ký ức không thể quên

Câu hỏi: Ông có thể kể về một người lính hoặc một người dân thường mà câu chuyện của họ trong chiến tranh không nên bị lãng quên không ạ?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu:

Tôi còn nhớ rất nhiều người, rất nhiều câu chuyện. Trước đó tôi đã kể với các bạn về một bà má đã giúp đỡ chúng tôi trong những ngày cuối của cuộc chiến. Nhưng ở chiến trường Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, tôi còn nhớ một người phụ nữ mà tôi luôn trân trọng nhắc đến. Đó là cô Nguyễn Thị Nghệ, nữ du kích dũng cảm của vùng quê Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Câu chuyện xảy ra vào năm 1972. Khi ấy cô Nghệ còn rất trẻ, tham gia lực lượng du kích địa phương tại địa bàn huyện Phong Điền. Đó là giai đoạn chiến đấu cực kỳ ác liệt và khó khăn. Quân địch bắn phá dữ dội; pháo từ hạm đội ngoài biển bắn vào, các trận địa pháo phía Nam bắn ra, cùng máy bay dội bom liên tục. Địa hình vùng ven biển Phong Điền chủ yếu là những đồi cát trắng mênh mông, cây cối thưa thớt, khiến mọi di chuyển và tìm đường tránh hỏa lực của bộ đội càng thêm nguy hiểm.

Khi đơn vị chúng tôi đang thực hiện nhiệm vụ tác chiến ở khu vực Phong Điền, đồng chí Võ Nguyên Quảng (Huyện đội trưởng Huyện đội Phong Điền) đã cử cô Nguyễn Thị Nghệ đi làm liên lạc, truyền đạt thông tin và dẫn đường cho chúng tôi. Để đến được vị trí đơn vị, cô phải tìm cách vượt qua phá Tam Giang — nơi lực lượng và phương tiện tuần tra của đối phương kiểm soát rất chặt chẽ.

Điều làm tôi xúc động và nhớ mãi là lúc đó cô Nghệ hoàn toàn không biết bơi. Vậy mà, vì nhiệm vụ cách mạng, cô vẫn dũng cảm tìm mọi cách vượt qua vùng nước sâu rộng ấy. Cô thông thuộc từng lối đi, khéo léo tránh các điểm phục kích nguy hiểm của địch để đưa lực lượng chúng tôi tiếp cận mục tiêu. Khi đó, tôi cùng đồng chí Phạm Minh Tâm (Trung đoàn trưởng Trung đoàn 27 / Mặt trận B5) trực tiếp chỉ huy đơn vị làm nhiệm vụ.

Trong điều kiện địch bắn phá ác liệt, sự hỗ trợ và dẫn đường của cô Nghệ có ý nghĩa rất lớn. Nhờ nắm chắc địa hình và tình hình địch tại địa phương, cô đã giúp chúng tôi đưa lực lượng vào tiến công, đánh chiếm đồn Thanh Hương (Phong Điền), hạn chế tối đa thương vong và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đối với tôi, đó không chỉ là câu chuyện về một người làm nhiệm vụ liên lạc. Đó còn là biểu tượng sinh động cho sự dũng cảm của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh. Dù không biết bơi, cô vẫn vượt qua sóng nước phá Tam Giang, vượt qua hiểm nguy rình rập vì sự nghiệp chung. Những người du kích bình dị như cô Nghệ đã góp phần làm nên thắng lợi và giảm bớt biết bao xương máu cho bộ đội.

Sau chiến tranh, những người trực tiếp chứng kiến và tham gia sự kiện năm xưa ngày một ít đi. Nhân dịp 27 tháng 7 vừa qua, tôi đã có dịp trở lại chiến trường xưa và gặp lại cô Nguyễn Thị Nghệ. Cuộc gặp gỡ vô cùng xúc động diễn ra tại Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9, nơi những nhân chứng của trận đánh năm nào hội ngộ chỉ còn lại ba người: ông Nguyễn Minh Kỳ, cô Nguyễn Thị Nghệ và tôi (Tướng Hiệu).

Gặp lại nhau, cô Nghệ vẫn nhắc về kỷ niệm lần vượt phá Tam Giang năm ấy. Cô tâm sự rằng lúc đó đúng là không biết bơi thật, nhưng trong đầu chỉ nghĩ đến nhiệm vụ nên quyết tâm tìm mọi cách để qua bờ bên kia.

Trong suốt những năm tháng chiến tranh, tôi đã gặp rất nhiều con người dũng cảm, cả quân nhân lẫn nhân dân. Nhưng câu chuyện về cô Nguyễn Thị Nghệ — người nữ du kích Phong Điền vượt phá Tam Giang — sẽ mãi là một tấm gương thầm lặng mà các thế hệ hôm nay và mai sau cần ghi nhớ, tri ân.

Chương 7. Gặp lại cựu binh Mỹ và hành trình tìm kiếm những người mất tích

Câu hỏi 1

Người phỏng vấn: Sau chiến tranh, ông đã từng gặp các cựu quân nhân Mỹ chưa? Điều gì từ những cuộc gặp ấy khiến ông nhớ nhất?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu:

Sau chiến tranh, trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010, tôi được phân công đảm nhiệm công tác đối ngoại quốc phòng (với tư cách Thứ trưởng Bộ Quốc phòng). Trong công việc đó, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến vấn đề những người mất tích trong chiến tranh (MIA), cả người Mỹ và người Việt Nam. Vì vậy, tôi có nhiều cơ hội gặp các cựu chiến binh Mỹ, cả ở Việt Nam lẫn trong những chuyến công tác tại Hoa Kỳ.

Một điều tôi luôn quan tâm là sự hợp tác nhân đạo giữa hai phía. Trong chiến tranh, nhiều quân nhân Mỹ mất tích. Phía Việt Nam đã tích cực cung cấp thông tin và phối hợp tìm kiếm khi có điều kiện. Nhưng Việt Nam cũng còn rất nhiều liệt sĩ chưa tìm thấy hài cốt, chưa xác định được nơi an táng. Tôi cho rằng trách nhiệm nhân đạo phải được thực hiện từ cả hai phía.

Tôi nhớ chuyến sang Hoa Kỳ năm 2005 khi đi tháp tùng Thủ tướng Phan Văn Khải trong chuyến thăm chính thức Hoa Kỳ và làm việc với các cựu chiến binh Mỹ. Khi ấy, tôi đã nêu rõ quan điểm: Việt Nam đã và sẽ tiếp tục cung cấp những thông tin có

được về người Mỹ mất tích; đồng thời, chúng tôi mong phía Mỹ cung cấp những tài liệu, hồ sơ mà họ còn lưu giữ về những bộ đội, chiến sĩ Việt Nam mất tích trong chiến tranh.

Tại sao những tài liệu ấy quan trọng? Trong chiến tranh, có những nơi sau trận đánh, thi thể quân giải phóng và người dân được chôn lấp trong hố bom, giao thông hào hoặc những vị trí đặc biệt - điển hình là trên chiến trường Cam Lộ, Quảng Trị và nhiều địa bàn ác liệt khác. Nếu có hồ sơ, bản đồ, tọa độ hoặc ghi chép từ phía bên kia thời chiến, chúng có thể giúp chúng tôi khoanh vùng và tìm ra nơi chôn cất các liệt sĩ.

Trong các đợt hợp tác, phía Mỹ đã cung cấp cho Việt Nam 108 đĩa CD chứa các tư liệu, dữ liệu giải mật. Các tư liệu ấy chứa thông tin về những khu vực từng xảy ra giao tranh, vị trí các hố chôn tập thể hoặc những dấu vết phục vụ công tác xác minh. Đối với công tác tìm kiếm của chúng ta, đó là những nguồn thông tin vô cùng quý giá.

Từ các nguồn tư liệu này, chúng tôi tiếp tục phối hợp với các quân khu, địa phương tổ chức khảo sát và khai quật. Có những địa điểm đã quy tập được hài cốt của hàng trăm liệt sĩ. Như tại khu vực Công viên Lê Văn Tám (Sài Gòn / TP.HCM) - nơi từng là Nghĩa trang Đô Thành / Mạc Đĩnh Chi thời chiến - hoặc các khu vực hố chôn tập thể ở Quảng Trị, Tây Nguyên với quy mô từ 100, 300 - 400, thậm chí hàng trăm liệt sĩ.

Công việc ấy diễn ra liên tục ở Quảng Trị, TP. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên và nhiều chiến trường cũ. Mỗi tài liệu mới, mỗi thông tin mới đều có thể mở ra một hướng tìm kiếm, đưa các anh hùng liệt sĩ trở về với gia đình, quê hương.

Câu hỏi 2

Người phỏng vấn: Một số cựu binh Mỹ đã công khai nói về sự hối tiếc, những tổn thương tâm lý hoặc sự thay đổi trong nhận thức sau chiến tranh. Ông nhìn nhận những lời chia sẻ ấy như thế nào?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu:

Theo cách nhìn của tôi, nhiều người lính Mỹ khi sang Việt Nam chưa hiểu đầy đủ về đất nước, con người, phong tục và truyền thống văn hóa Việt Nam. Họ tham gia một cuộc chiến mà sau này, khi trở về và có điều kiện suy ngẫm, có người đã cảm thấy ân hận về những gì mình từng chứng kiến hoặc tham gia. Tôi cho rằng nhận thức của họ cũng chịu ảnh hưởng từ cách cuộc chiến được giải thích cho họ lúc bấy giờ.

Trong chiến tranh đã có những tổn thất rất lớn đối với nhân dân Việt Nam. Có những người lính Mỹ sau này nhìn lại việc giết chóc, đốt phá và những đau khổ mà chiến tranh gây ra. Theo những gì tôi được biết qua các cuộc gặp và qua báo chí, một số

người đã trở lại Việt Nam để tìm gặp những người từng cứu giúp mình, những người đã tha mạng hoặc đối xử nhân đạo với họ trong hoàn cảnh chiến tranh.

Tôi không thể nói rằng mình biết hết những câu chuyện ấy, cũng không thể đưa ra một con số chính xác. Nhưng tôi thấy có những cựu chiến binh Mỹ trở lại Việt Nam, nhất là những vùng chiến trường cũ như Quảng Trị. Có người đến vào dịp 27 tháng 7 hoặc vào những ngày gắn với trận đánh mà họ từng tham gia. Họ có thể đi với tư cách khách du lịch, nhưng chuyến đi còn là một hành trình trở lại nơi họ đã trải qua chiến tranh.

Có người muốn gặp lại những nhân chứng còn sống. Có người tìm nơi đơn vị mình từng đóng quân hoặc nơi từng xảy ra một trận đánh. Có cả những người con muốn tìm hiểu địa điểm mà cha mình đã chiến đấu. Những cuộc trở về như thế có ý nghĩa đối với ký ức của từng gia đình và đối với sự hiểu biết giữa con người hai nước.

Nhưng thời gian không chờ đợi chúng ta. Những người trực tiếp chứng kiến chiến tranh nay đều đã cao tuổi. Nhiều người đã qua đời. Như các bạn thấy, tôi cũng đã gần tám mươi tuổi. Mỗi năm trôi qua, số nhân chứng còn lại càng ít. Có những người trở về nhưng không còn gặp được người mà họ muốn tìm. Đó cũng là một điều đáng tiếc.

Tôi nghĩ điều quan trọng là từ những cuộc gặp ấy, con người có thể hiểu nhau hơn. Khi người ta hiểu thêm về văn hóa, truyền thống và những đau khổ mà chiến tranh đã gây ra, người ta cũng có thể nhìn lại quá khứ bằng một nhận thức khác. Đối với tôi, sự trở lại của những cựu chiến binh và gia đình họ là một phần của quá trình ấy.

Câu hỏi 3

Người phỏng vấn: Ông muốn các cựu binh Mỹ hiểu điều gì về những người Việt Nam mà họ từng gặp trong chiến tranh?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu:

Tôi nghĩ rằng những người từng tham gia chiến tranh nay đều đã lớn tuổi. Điều thiết thực là trở lại những nơi mình đã từng chiến đấu, gặp gỡ nhân dân Việt Nam khi có thể và góp phần vào những việc có ích cho cuộc sống hôm nay.

Chương 8. Hòa giải, trách nhiệm của các thế hệ và thông điệp giữ gìn hòa bình

Câu hỏi 1

Người phỏng vấn: Nếu được gửi một thông điệp đến các cựu chiến binh Mỹ để đưa vào cuốn sách này, ông muốn nói điều gì?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Nếu được nói với các cựu chiến binh Mỹ qua cuốn sách này, tôi muốn nhấn mạnh rằng các bạn cũng là nạn nhân của chiến tranh. Điều quan trọng là phải nhận thức đầy đủ về những gì đã xảy ra, tiếp cận nhau với tinh thần khách quan, tôn trọng và hợp tác, cùng nhau xây dựng tình hữu nghị và lòng tin.

Chúng ta cần góp phần bảo vệ hòa bình. Đó là điều tôi muốn gửi gắm.

Câu hỏi 2

Người phỏng vấn: Đối với cá nhân ông, hòa giải có ý nghĩa như thế nào?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Việt Nam có chủ trương khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Theo tôi, hòa giải rất quan trọng, bởi muốn hòa giải thì phải có sự hiểu biết lẫn nhau. Chúng ta phải hiểu nhau để có thể khép lại quá khứ và hướng tới tương lai.

Điều tôi muốn nhấn mạnh là mối quan hệ giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Mỹ. Không chỉ có quan hệ giữa hai chính phủ; điều đặc biệt quan trọng là nhân dân Mỹ và nhân dân Việt Nam phải xây dựng được tình đoàn kết, sự gắn bó và hiểu biết lẫn nhau. Tôi nhắc lại: quan hệ nhân dân giữa hai nước có vai trò đặc biệt quan trọng.

Câu hỏi 3

Người phỏng vấn: Theo ông, thế hệ trẻ Việt Nam nên học được điều gì từ thế hệ đã trải qua chiến tranh?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay có điều kiện tiếp cận rất nhiều nguồn thông tin đa chiều và có trình độ hiểu biết ngày càng cao. Điều quan trọng nhất là các bạn phải biết phân biệt thật với giả, đúng với sai, và tiếp cận sách báo, thông tin một cách khách quan. Phải có khả năng tự mình nhận thức, làm chủ vận mệnh và tương lai của mình.

Các bạn phải góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại khoa học, công nghệ đang phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, phải biết tiếp thu những tinh hoa của thế giới để xây dựng đất nước.

Tôi mong đất nước ngày càng phát triển, ngày càng tốt đẹp hơn, thực hiện đúng ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh là xây dựng đất nước Việt Nam đàng hoàng hơn, to

đẹp hơn để sánh vai với các cường quốc năm châu, đem lại cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân. Đó là điều rất quan trọng.

Câu hỏi 4

Người phỏng vấn: Theo ông, thế hệ trẻ Mỹ nên học được điều gì từ những trải nghiệm của người Việt Nam?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Tôi nghĩ rằng thế hệ trẻ Mỹ ngày nay có thể nhìn lại cuộc chiến tranh ở Việt Nam và rút ra những bài học về đúng và sai, về chính nghĩa và phi nghĩa. Qua những gì đã xảy ra, họ có thể nhận thức rõ hơn và khách quan hơn về những tổn thất mà chiến tranh gây ra cho nhân dân Việt Nam.

Tôi tin rằng thanh niên Mỹ cũng cần có trách nhiệm đối với đất nước mình, góp phần thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, đoàn kết và hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ.

Điều tôi muốn nhấn mạnh là phải đấu tranh để bảo vệ hòa bình, không để xảy ra những cuộc chiến tranh như cuộc chiến đã diễn ra ở Việt Nam.

Câu hỏi 5

Người phỏng vấn: Ông hy vọng quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ phát triển như thế nào trong tương lai?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Tôi tin tưởng rằng mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân và chính phủ hai nước Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ tiếp tục phát triển tích cực, ngày càng đi vào chiều sâu và có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, nhất là kinh tế, khoa học và kỹ thuật.

Câu hỏi 6

Người phỏng vấn: Ông muốn độc giả cuốn sách mà ông Frank đang viết ghi nhớ thông điệp cuối cùng nào?

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu: Tôi mong độc giả tiếp cận sách và các nguồn thông tin một cách khách quan, biết phân biệt đúng với sai trong các cuộc chiến tranh, từ đó góp phần vào cuộc đấu tranh chung để giữ gìn hòa bình.

Giữ gìn hòa bình - đó là thông điệp cốt lõi tôi muốn gửi đến độc giả.

Phụ lục. Trao đổi sau phỏng vấn

Phần trao đổi về quy trình biên tập sau cuộc phỏng vấn; không phải lời phát biểu chính thức của Thượng tướng.

Sau phần hỏi đáp, những người tham gia trao đổi về cách xử lý văn bản. Bản tiếng Việt sẽ được chuẩn bị để rà soát, nhất là những địa điểm, thời gian và tên người được nhắc đến, trong đó có người mẹ đã giúp đơn vị trong chiến dịch năm 1975 và người phụ nữ được bản chép lời ban đầu gọi nhầm là cô Huệ (nay xác định là Nguyễn Thị Nghệ). Cuộc trao đổi cũng đề cập đến khả năng làm rõ thêm cảm xúc, suy nghĩ của Thượng tướng ở thời điểm xảy ra sự kiện và cách ông nhìn lại những trải nghiệm ấy hiện nay.

Những người tham gia cũng thảo luận về việc sử dụng lời kể trong sách và khả năng gửi thêm câu hỏi. Phần trao đổi này được giữ riêng với nội dung hỏi đáp chính thức.

III.4 – *Quảng Trị – Một thời để nhớ*: Ký ức và tư liệu lịch sử

Cuốn sách đặt cuộc phỏng vấn trong một bối cảnh rộng lớn hơn

Cuốn *Quảng Trị – A Time to Commemorate* của Nguyễn Huy Hiệu là nguồn tư liệu đồng hành quan trọng với cuộc phỏng vấn của chúng tôi. Bản tiếng Anh trong bộ tư liệu làm việc, xuất bản tại Hà Nội năm 2015, dày khoảng 459 trang. Nếu có được tác phẩm gốc bằng tiếng Việt, chúng ta sẽ có thể kiểm tra địa danh, thuật ngữ quân sự, những điểm nhấn và các đoạn có thể đã thay đổi sắc thái nghĩa qua quá trình dịch thuật. Không nên xem cuốn sách và cuộc phỏng vấn là hai nguồn có thể thay thế cho nhau: một bên là hồi ức đã được xuất bản, chịu ảnh hưởng của quá trình biên soạn và biên tập riêng; bên kia là lời chứng bằng lời nói trong một cuộc trò chuyện cụ thể vào tháng 10 năm 2026.

Khi chuẩn bị bản đầu tiên của Phần III, chúng tôi chủ ý không tạo ra những câu trích dẫn hoặc dẫn trang cụ thể từ các phần sách chưa được đối chiếu với bản in. Tầm quan trọng của cuốn sách được ghi nhận tại đây, còn việc khai thác đầy đủ hơn sẽ thuộc một giai đoạn nghiên cứu lịch sử riêng. Cách làm này giúp bản thảo tiếp tục tiến triển mà không trình bày những trang chưa được đọc hoặc chưa được xác minh như chứng cứ đã được xác lập.

Ba hướng đối thoại với lịch sử

Thứ nhất, cuốn sách có thể giúp kết nối địa lý Quảng Trị với ký ức cá nhân của vị tướng. Những con đường, làng mạc, cây cầu, vị trí quân sự và dòng sông được nhắc đến trong cuộc phỏng vấn có thể được đối chiếu với bản tường thuật đã xuất bản và,

khi có điều kiện, với bản đồ cùng hồ sơ đương thời. Việc so sánh ấy đặc biệt quan trọng ở một tỉnh mà địa danh từng được ghi lại bằng nhiều ngôn ngữ và hệ thống phiên âm.

Thứ hai, cuốn sách có thể giúp tái dựng các chiến dịch năm 1968 và 1972 mà không đánh mất trải nghiệm của từng cá nhân. Lịch sử tác chiến cho biết đơn vị nào di chuyển, vị trí nào đổi chủ. Lời chứng cá nhân đặt câu hỏi những biến chuyển ấy có ý nghĩa gì đối với những người lính trực tiếp tham gia. Nếu hai nguồn không thống nhất, sự khác biệt cần được xem xét công khai, chứ không thể giải quyết chỉ bằng sự thiên vị đối với một bên.

Thứ ba, cuốn sách mang mục đích tưởng niệm. Nhan đề xoay quanh ký ức khiến người đọc suy nghĩ vì sao câu chuyện vẫn được kể lại sau nhiều thập niên kể từ khi chiến tranh kết thúc. Đối với vị tướng, việc tưởng nhớ đồng đội đã hy sinh và tìm kiếm những người còn mất tích không phải hoạt động thứ yếu. Đó là một phần ý nghĩa mà ông dành cho cuộc đời quân ngũ của mình. Mối liên hệ giữa ký ức quân sự và trách nhiệm nhân đạo liên tục cần có vị trí bên cạnh lịch sử các trận đánh.

Khi có bản gốc tiếng Việt và bản quét đáng tin cậy của những trang liên quan, ấn bản cuối cùng có thể bổ sung trích dẫn chính xác theo số trang cùng một số đoạn trích được chọn lọc cẩn thận, với điều kiện đáp ứng các yêu cầu về quyền xuất bản. Cho đến lúc đó, không khẳng định nào trong chương này dựa vào câu trích dẫn chưa được kiểm chứng từ cuốn sách.

III.5 – Người dân, phụ nữ và những hậu quả lâu dài của chiến tranh

Lịch sử không chỉ là câu chuyện của các đơn vị chiến đấu

Một lịch sử chỉ tập trung vào sự di chuyển của các lực lượng vũ trang không thể giải thích đầy đủ những gì đã xảy ra tại Quảng Trị. Bản đồ quân sự phân biệt đường sá, sông ngòi, đỉnh núi và cứ điểm, nhưng hiếm khi ghi lại câu chuyện riêng của những gia đình sống giữa các địa điểm ấy. Cùng những năm tháng mà người lính nhớ đến như chuỗi chiến dịch, người dân phải trải qua sự chia lìa, bất trắc, thương tích, mất kế sinh nhai và trách nhiệm bảo vệ con trẻ cùng người thân cao tuổi. Không thể tái dựng trải nghiệm dân sự chỉ bằng cách thêm một nhận xét chung về đau thương vào cuối bản tường thuật quân sự. Chính góc nhìn của người dân phải giúp thay đổi những câu hỏi chúng ta đặt ra về chiến tranh.

Cuộc phỏng vấn mở ra một số lối tiếp cận với lịch sử đó. Nguyễn Huy Hiệu nhiều lần tri ân những hy sinh của phụ nữ và nhân dân; ông nhớ đến người phụ nữ vượt phá

Tam Giang và sự giúp đỡ thiết thực của người dân địa phương trong các hoạt động quân sự. Câu chuyện về Mẹ Sáu Ngẫu và gia đình bà, dù gắn với cuộc tiến quân vào Sài Gòn năm 1975 chứ không phải Quảng Trị, phản ánh một thực tế lịch sử rộng hơn: thường dân có thể cung cấp tin tức, nơi trú ẩn và dẫn đường, đồng thời đặt bản thân cùng con cái trước những hiểm nguy rất lớn. Các câu chuyện ấy vẫn cần được quy về lời kể của Thượng tướng cho đến khi tên người, chi tiết và hoàn cảnh từng cuộc gặp được kiểm tra đầy đủ.

Khi viết về Quảng Trị, chúng ta cũng phải tránh việc chỉ xem phụ nữ là biểu tượng của sự tận tụy hoặc mất mát. Hành động, công việc, quyết định và ký ức của họ trong chiến tranh cần được chú ý như những vấn đề lịch sử có giá trị tự thân. Hồi ức của vị tướng tạo điều kiện để mở ra hướng tìm hiểu ấy, nhưng không thể thay thế cho một tập hợp lời chứng dân sự đủ đa dạng. Những câu chuyện của phụ nữ, các gia đình phải sơ tán, nhân viên y tế địa phương và những người trở về cộng đồng từng bị tàn phá sẽ giúp làm sâu sắc thêm bản cuối cùng của phần này. Không được che giấu khoảng trống tư liệu hiện có bằng những đoạn đối thoại hư cấu.

Cuộc chiến vẫn còn nằm trong lòng đất

Hậu quả chiến tranh không chỉ tồn tại trong ký ức. Mìn, bom chưa nổ, đạn pháo và những vật liệu nổ còn sót lại có thể nằm trong đất rất lâu sau khi chiến tuyến biến mất. Chúng cản trở canh tác và xây dựng, đe dọa trẻ em lẫn người lớn, đồng thời tạo gánh nặng dai dẳng cho các gia đình và chính quyền địa phương. Các cơ quan khắc phục hậu quả bom mìn của Việt Nam xác định Quảng Trị là một trong những tỉnh bị ô nhiễm vật liệu nổ nặng nề; trong khi đó, những chương trình quốc tế phối hợp với các cơ quan Việt Nam đã kết hợp rà phá với giáo dục phòng tránh nguy cơ, hỗ trợ nạn nhân và khôi phục đất sản xuất. [8] [9]

Công việc nhân đạo ấy không chỉ là vấn đề kỹ thuật. Rà sạch bom mìn khỏi một thửa ruộng là trả lại kế sinh nhai; làm cho một lối đi an toàn là khôi phục con đường đến trường của trẻ nhỏ; phục hồi chức năng sau một vụ nổ là thừa nhận rằng thương tích do chiến tranh có thể còn định hình tương lai của cả một gia đình. Các chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc mô tả hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn trong khuôn khổ rộng hơn của an ninh con người và phục hồi xã hội. Vì vậy, di sản chiến tranh không nên chỉ được đo bằng số vũ khí đã được xử lý, mà còn bằng những khả năng sống bình thường được tái tạo. [9]

Trong cuộc phỏng vấn, Nguyễn Huy Hiệu nói về ô nhiễm hóa chất, những người vẫn mất tích và việc hợp tác với Hoa Kỳ trong các vấn đề nhân đạo. Một số con số và trường hợp cụ thể trong lời kể cần được kiểm tra bằng nguồn độc lập. Tuy nhiên, ý nghĩa chính rất rõ ràng: ông coi việc khắc phục hậu quả sau chiến tranh là một phần

trách nhiệm mà những người từng chiến đấu để lại cho các thế hệ sau. Niềm tin ấy tạo nên nhịp cầu giữa hồi ức của người lính và nhu cầu của những thường dân vẫn phải sống cùng di chứng chiến tranh.

Nghĩa trang liệt sĩ và hành trình tìm kiếm người mất tích

Nghĩa trang là một trong những dạng chứng tích lịch sử có sức lay động mạnh mẽ nhất của Quảng Trị. Những hàng mộ, bia khắc tên, hài cốt chưa xác định danh tính và những chuyến thăm viếng của gia đình đều nói lên mất mát, nhưng cũng đặt ra những câu hỏi mà thống kê không thể trả lời. Ai đã được tìm thấy, ai chưa, gia đình nào đã nhận được tin xác nhận và gia đình nào vẫn chờ đợi? Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9 và Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Trường Sơn có vị trí đặc biệt trong ký ức tưởng niệm của người Việt Nam. Những phát biểu của vị tướng về các nghĩa trang và công cuộc tìm kiếm đồng đội hy sinh có thể được đặt bên cạnh các hồ sơ tưởng niệm chính thức, nhưng vẫn cần giữ nguyên tính khẩn thiết mang dấu ấn cá nhân trong lời kêu gọi của ông. [10]

Một công trình lịch sử có trách nhiệm cần dành chỗ cho những người từng phục vụ trong các quân đội khác nhau và cho nỗi đau của dân thường, mà không đòi hỏi các gia đình có người thân đã mất phải từ bỏ niềm tin của mình. Công nhận không đồng nghĩa với xóa bỏ ký ức. Nhiệm vụ của việc tưởng niệm là xác định và tri ân người đã khuất một cách cẩn trọng nhất có thể theo chứng cứ, đồng thời không coi những người còn mất tích chỉ là phần dư của các phép tính chiến lược.

III.6 – Từ ký ức chiến trường đến hòa giải và hòa bình

Những điều chưa chấm dứt khi một chiến dịch kết thúc

Hiệp định Paris ký ngày 27 tháng 1 năm 1973 nhằm chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình, nhưng xung đột ở Việt Nam không kết thúc ngay sau lễ ký kết ngoại giao ấy. Giao tranh vẫn tiếp diễn và chiến dịch quân sự cuối cùng đạt tới đỉnh điểm vào tháng 4 năm 1975. Đối với những người từng chiến đấu ở Quảng Trị, thống nhất đất nước là kết quả có ý nghĩa quyết định, nhưng điều đó không đưa được tất cả người thân trở về cũng không loại bỏ hết bom đạn chưa nổ khỏi lòng đất. Vì thế, quá trình chuyển từ chiến tranh sang hòa bình không diễn ra tức khắc, cũng không thể xem là đã hoàn tất trên mọi phương diện. [11]

Đây là một trong những lý do các chương cuối của cuộc phỏng vấn vẫn thuộc về lịch sử Quảng Trị, dù chúng mô tả những địa điểm khác và các thập niên tiếp theo. Những

cuộc gặp lại cựu binh Mỹ từng ở phía đối địch, suy ngẫm của Nguyễn Huy Hiệu về hợp tác tìm kiếm người mất tích và lời nhắn gửi của ông tới thế hệ trẻ cho thấy cách một cựu binh có thể nhìn nhận lại chính những hành động thời chiến của mình trong suốt cuộc đời. Chiến thắng và mất mát vẫn hiện diện trong lời kể ấy, nhưng bên cạnh đó còn có trách nhiệm, sự tưởng nhớ và khả năng cùng làm việc với những người từng chiến đấu ở chiến tuyến đối phương.

Không nên trình bày hòa giải như một mệnh lệnh phải quên đi quá khứ. Hòa giải bắt đầu từ khả năng phân biệt điều đã được xác lập, điều nhân chứng nhớ lại và điều vẫn còn tranh luận. Nó cũng đòi hỏi dành chỗ cho nỗi đau không thể diễn tả trọn vẹn bằng ngôn ngữ của một buổi lễ nhà nước hay bản báo cáo quân sự. Tinh thần rộng lượng của hòa giải không nằm ở việc giả vờ mọi trải nghiệm lịch sử đều giống nhau, mà ở sự thừa nhận trách nhiệm chung phải ngăn ngừa đau khổ trong tương lai.

Vì sao góc nhìn Việt Nam có ý nghĩa quan trọng

Nhiều tác phẩm quốc tế viết về cuộc chiến này được tổ chức quanh các câu hỏi: Hoa Kỳ đã làm gì, vì sao làm như vậy và binh sĩ Mỹ đã trải qua những gì? Đó là những câu hỏi chính đáng, nhưng chúng không bao quát toàn bộ lịch sử Việt Nam. Đối với binh sĩ và thường dân Việt Nam, chiến tranh diễn ra ngay trên đồng ruộng, trong làng xóm, các cơ quan và mạng lưới gia đình của chính họ. Quảng Trị cho thấy những quyết định chiến lược của các thế lực lớn đã đi vào đời sống hằng ngày ra sao, và những hậu quả của chúng đã tồn tại lâu hơn chính các chiến lược đã tạo ra chúng như thế nào.

Với *Giá của ảo tưởng*, chúng tôi mong đặt vai trò chủ thể và ký ức của người Việt Nam gần trung tâm câu chuyện, đồng thời giữ rõ các chuẩn mực nghiên cứu lịch sử. Lời chứng của Nguyễn Huy Hiệu là nguồn tư liệu không thể thiếu cho mục đích ấy. Ký ức của người dân, hồ sơ tài liệu và tiếng nói của những cựu quân nhân Mỹ ở các phần khác của cuốn sách cũng vậy. Khi được đọc cùng nhau, các nguồn không nhất thiết phải nhất trí từng chi tiết mới có thể góp phần giúp chúng ta hiểu đầy đủ hơn chiến tranh đã gây ra những gì cho con người.

Kết luận – Điều Quảng Trị muốn chúng ta ghi nhớ

Quảng Trị không đơn thuần là một địa điểm nơi các đạo quân từng giao chiến. Đó là vùng đất mà một giới tuyến chia cắt tạm thời đã trở thành bối cảnh của nhiều năm chiến đấu; nơi những dòng sông và con đường mang ý nghĩa vượt ra ngoài địa lý; và nơi những người đã hy sinh hoặc còn mất tích vẫn tiếp tục định hình trách nhiệm của người đang sống. Lịch sử vùng đất này phải bao gồm những người chiến đấu vì lý tưởng mà họ tin tưởng, những thường dân chịu đựng chiến tranh và những gia đình

mất hàng thập niên để dựng lại cuộc sống.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi với Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu mang một lời nhắc nhở đạo đức vượt ra ngoài lịch sử tác chiến: phải ghi nhớ chiến tranh, khắc phục những hậu quả của nó và trao cho thế hệ tiếp theo một nền tảng hòa bình vững chắc hơn. Hồi ức của ông là nguồn tư liệu thiết yếu, nhưng hành trình tìm hiểu lịch sử vẫn cần tiếp tục thông qua đối chiếu, kiểm chứng và thái độ sẵn sàng lắng nghe những trải nghiệm Việt Nam khác.

Vì thế, thước đo cuối cùng của phần này không phải là số trận đánh được kể lại. Điều quan trọng là người đọc có thể nhìn thấy Quảng Trị như một không gian sống thực sự của người Việt Nam, hiểu vì sao lịch sử nơi đây vẫn còn những điểm tranh luận và nhận ra những nghĩa vụ đối với con người vẫn tồn tại rất lâu sau khi tiếng súng đã im.

Nguồn tư liệu và tài liệu tham khảo lịch sử

Lời chứng gốc. Cuộc phỏng vấn Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu tại Hà Nội ngày 21 tháng 10 năm 2026; văn bản tiếng Anh gồm tám chương do Frank Dumon chuẩn bị với sự cộng tác của Kiều Bích Hậu, đã tiếp nhận các đính chính được chuyển đến sau khi tham khảo ý kiến nhân vật. Toàn bộ cuộc phỏng vấn được giữ lại ở trên là lời chứng của người trong cuộc, không phải sự xác minh lịch sử độc lập đối với mọi chi tiết.

[1] Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Genève, ngày 20 tháng 7 năm 1954, văn bản do Văn phòng Sử gia, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ công bố lại: https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1952-54v16/d1035.

[2] Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève, ngày 21 tháng 7 năm 1954, Văn phòng Sử gia: https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1952-54v16/d1038.

[3] Trung tâm Quân sử Lục quân Hoa Kỳ, *Chiến tranh tại các tỉnh phía bắc, 1966–1968* (*The War in the Northern Provinces, 1966–1968*): https://history.army.mil/Publications/Publications-Catalog/War-in-the-Northern-Provinces/.

[4] Trung tâm Quân sử Lục quân Hoa Kỳ, tóm lược các chiến dịch tại Việt Nam và cuộc tiến công năm 1972: https://history.army.mil/Research/Reference-Topics/Army-Campaigns/Brief-Summaries/Vietnam/.

[5] Trung tâm Quân sử Lục quân Hoa Kỳ, *Việt Nam từ ngừng bắn đến sụp đổ* (*Vietnam from Cease-Fire to Capitulation*), phần bàn về cuộc phản công năm 1972: https://history.army.mil/portals/143/Images/Publications/catalog/90-29-1.pdf.

[6] Báo Quân đội nhân dân, “81 ngày đêm ác liệt tại Thành Cổ Quảng Trị năm 1972 (Phần 1)” (*81 Fierce Days and Nights in Quang Tri Ancient Citadel in 1972*): https://en.qdnd.vn/military/war-files/81-fierce-days-and-nights-in-quang-tri-ancient-citadel-in-1972-part-1-431967.

[7] Cơ quan quản lý du lịch và di sản văn hóa tỉnh Quảng Trị, “Thành Cổ Quảng Trị – Khát Vọng Hoà Bình”: https://dulich.quangtri.gov.vn/vi/detailcultural/?id=culture_395&t=thanh-co-quang-tri-khat-vong-hoa-binh.

[8] Trung tâm Hành động bom mìn quốc gia Việt Nam / Dự án Hành động bom mìn Hàn Quốc – Việt Nam, “Quảng Trị đặt mục tiêu không còn bom mìn vào năm 2025” (đây là mục tiêu được nêu vào thời điểm đó, không phải chứng cứ rằng mục tiêu đã hoàn thành): https://en.kvmap.vnmac.gov.vn/propaganda-and-education/quang-tri-aims-to-be-free-from-bombs-and-mines-by-2025-7692.html.

[9] Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), *Dự án Hành động bom mìn Hàn Quốc – Việt Nam*, về phạm vi chương trình và cách tiếp cận nhân đạo: https://www.undp.org/vietnam/projects/korea-vietnam-mine-action-project.

[10] Báo Điện tử Chính phủ Việt Nam, hoạt động tưởng niệm tại Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Trường Sơn và Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9: https://baochinhphu.vn/lanh-dao-chinh-phu-dang-huong-tai-nghia-trang-liet-si-truong-son-duong-9-102238886.htm.

[11] Văn phòng Sử gia, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, hồ sơ về Hiệp định Paris được ký ngày 27 tháng 1 năm 1973: https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1969-76v42/d71.

Cuốn sách cần tiếp tục đối chiếu. Nguyễn Huy Hiệu, *Quảng Trị – A Time to Commemorate*, ấn bản tiếng Anh, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2015. Bản gốc tiếng Việt và việc đối chiếu đầy đủ theo từng trang chưa được đưa vào bản thảo làm việc này. Không có dẫn trang chưa được xác minh hoặc trích dẫn dài từ cuốn sách được đưa vào phần này.